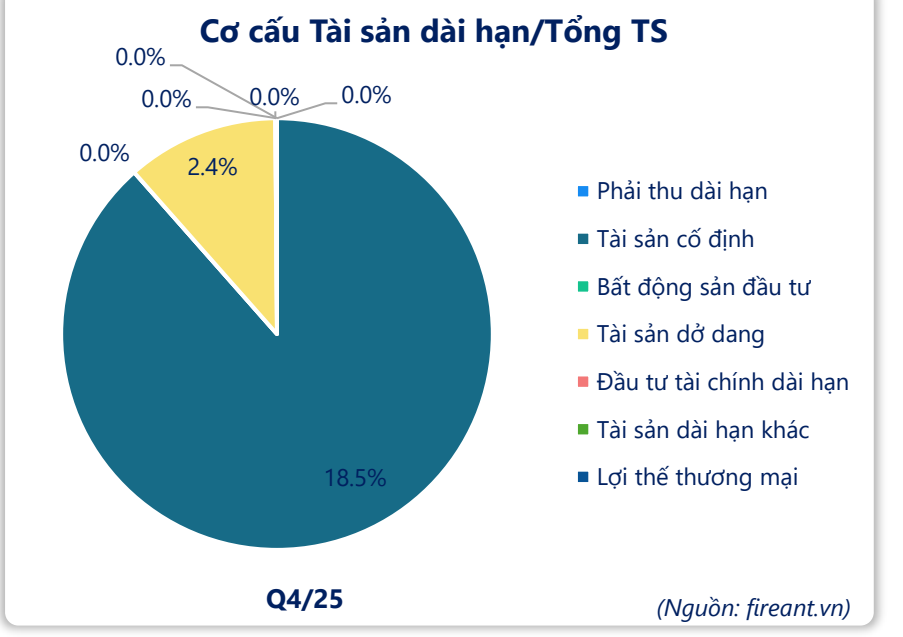
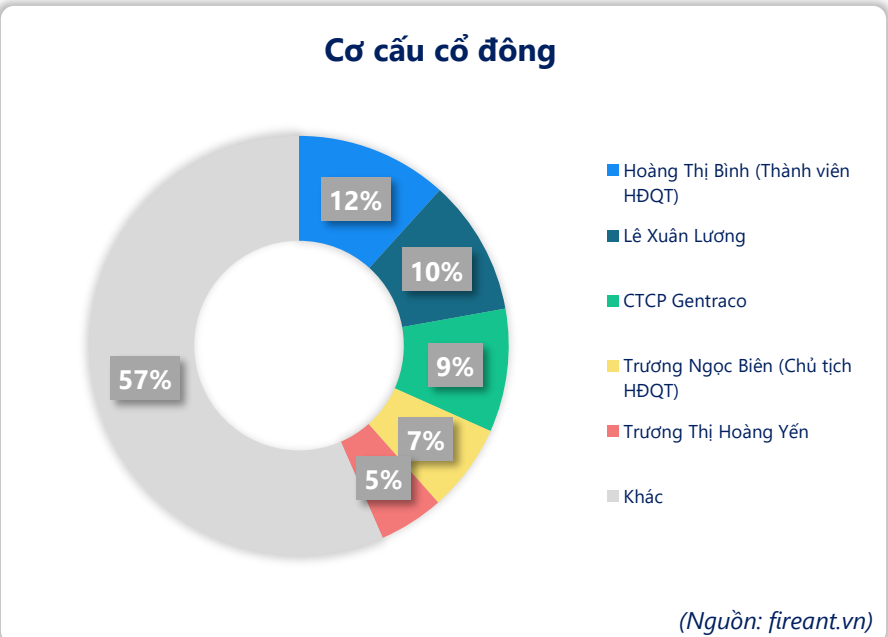
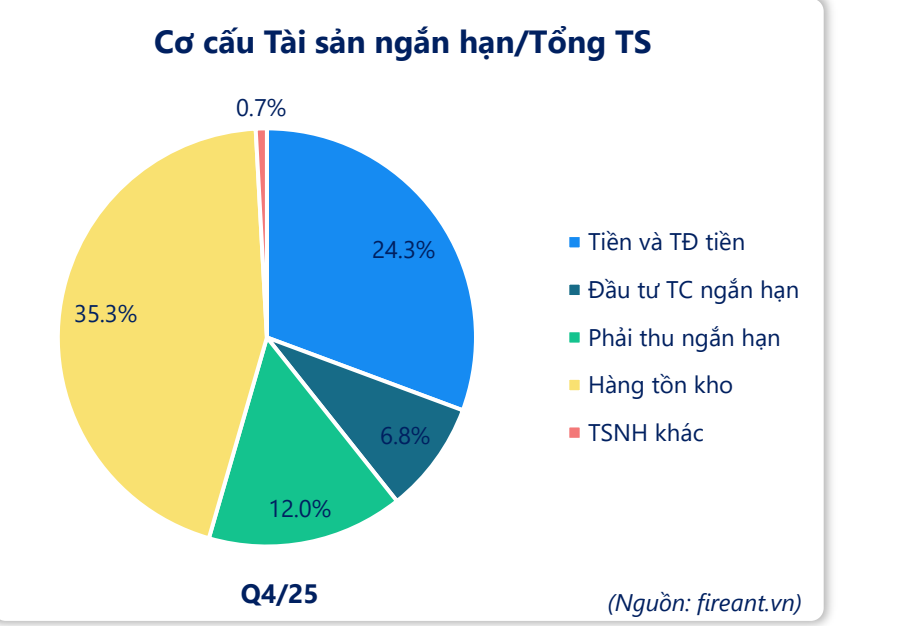
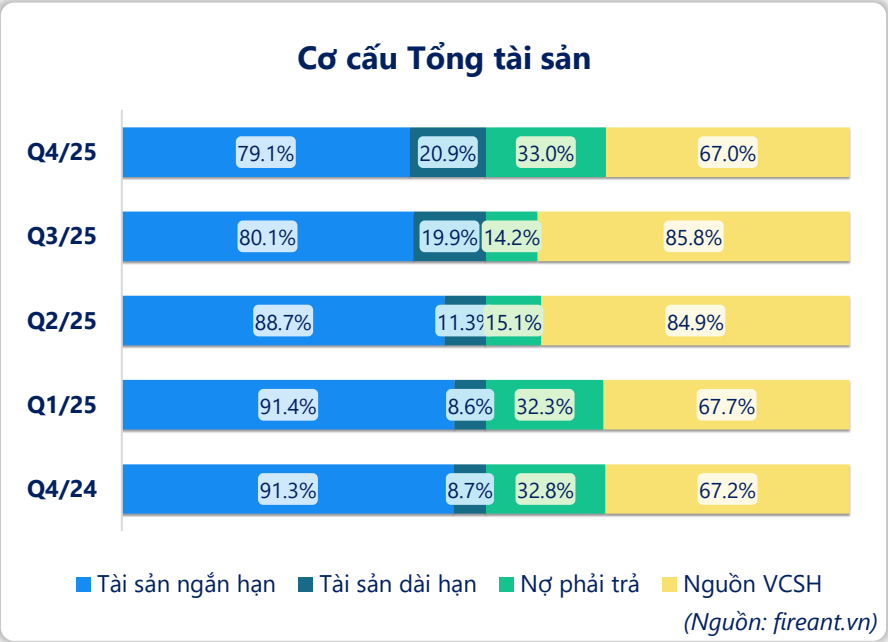
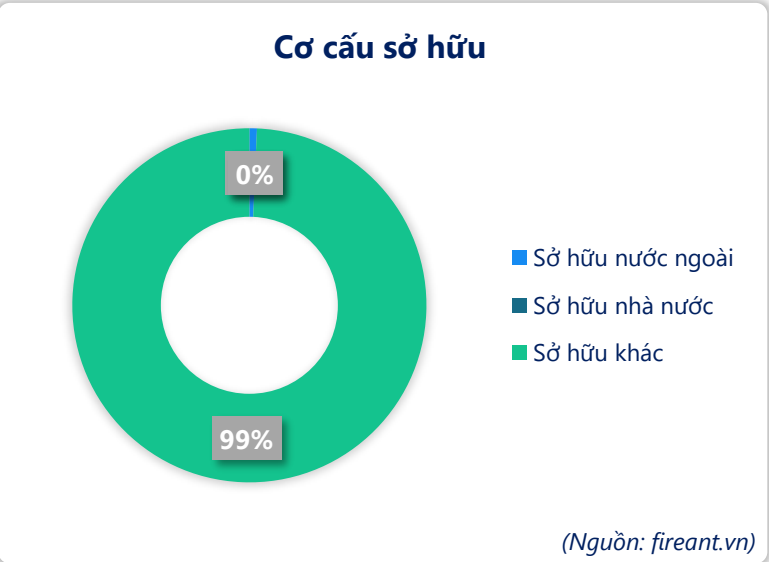
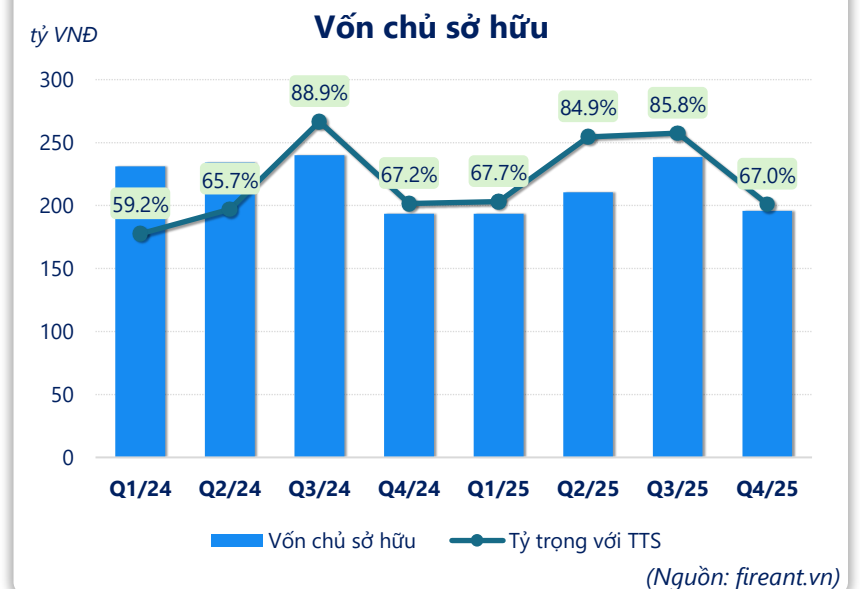
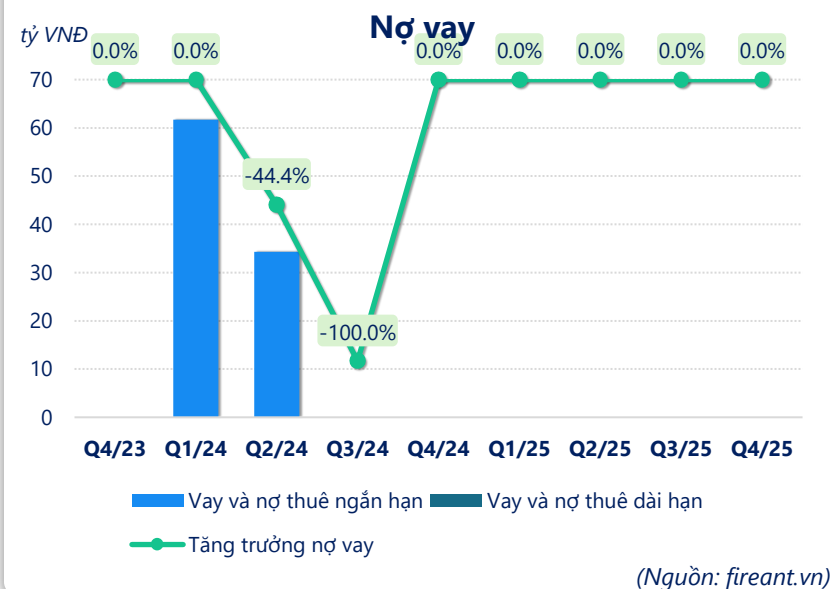
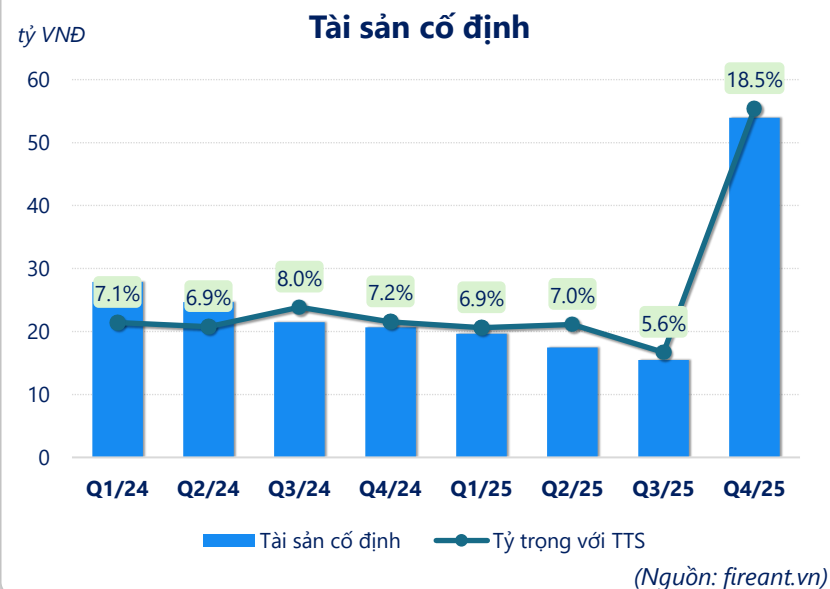
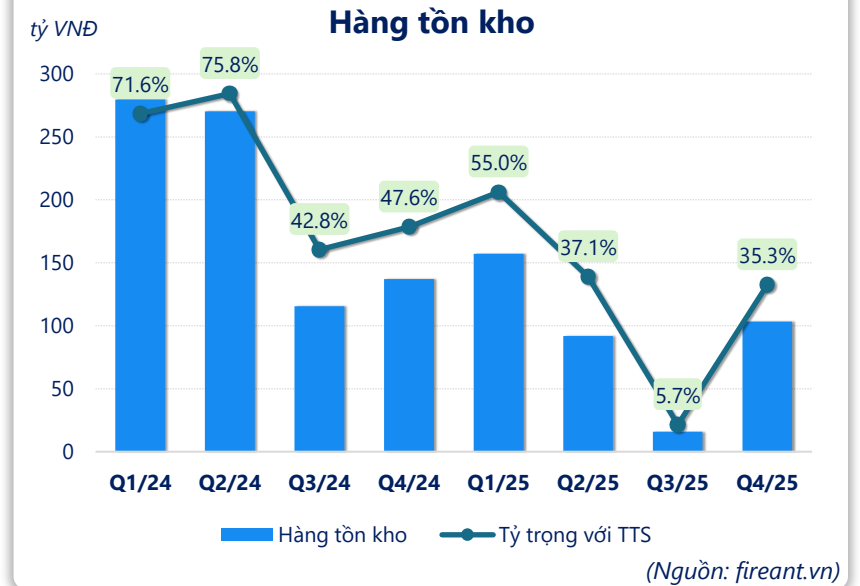
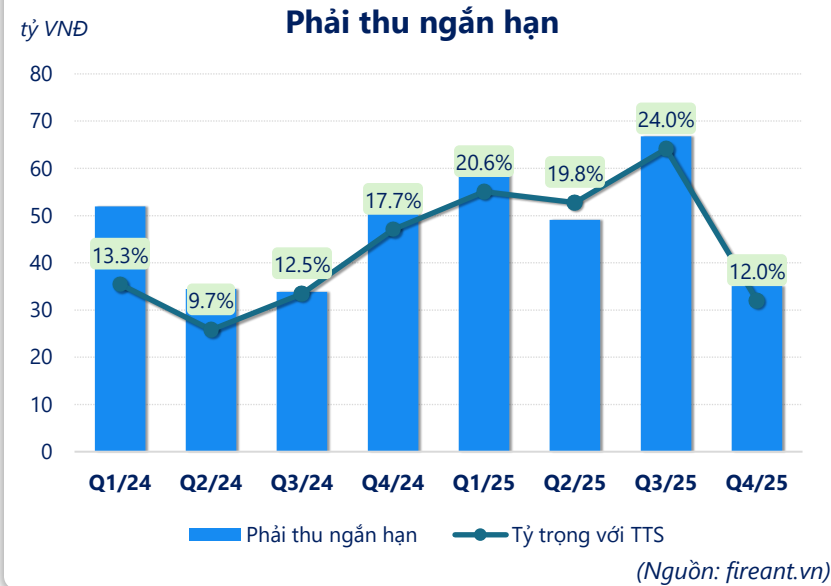
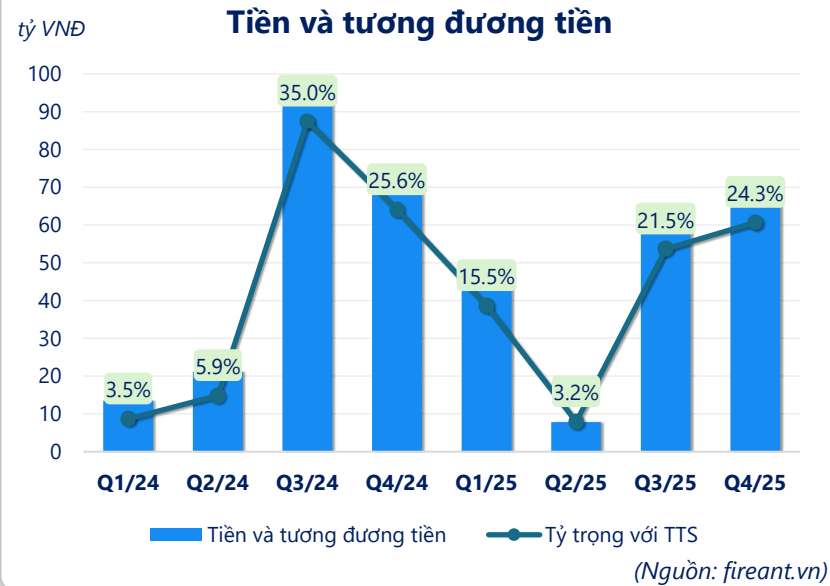
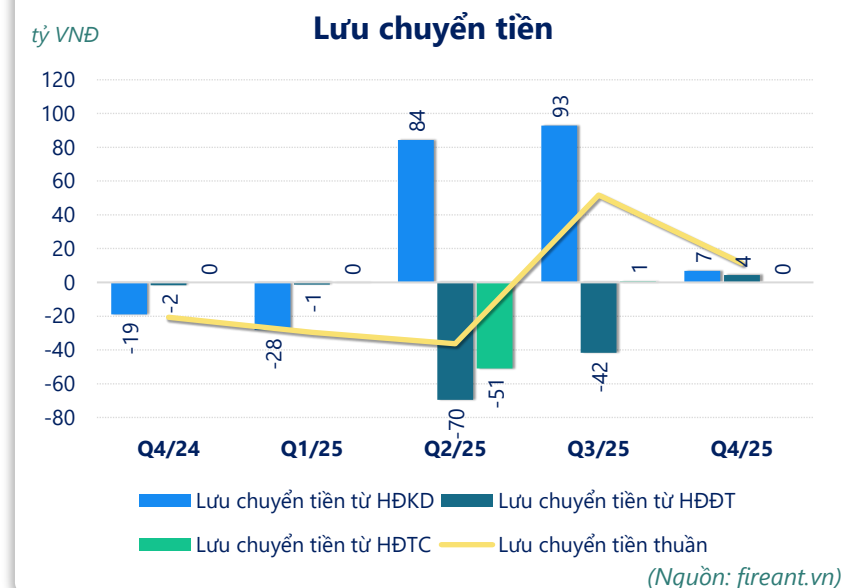
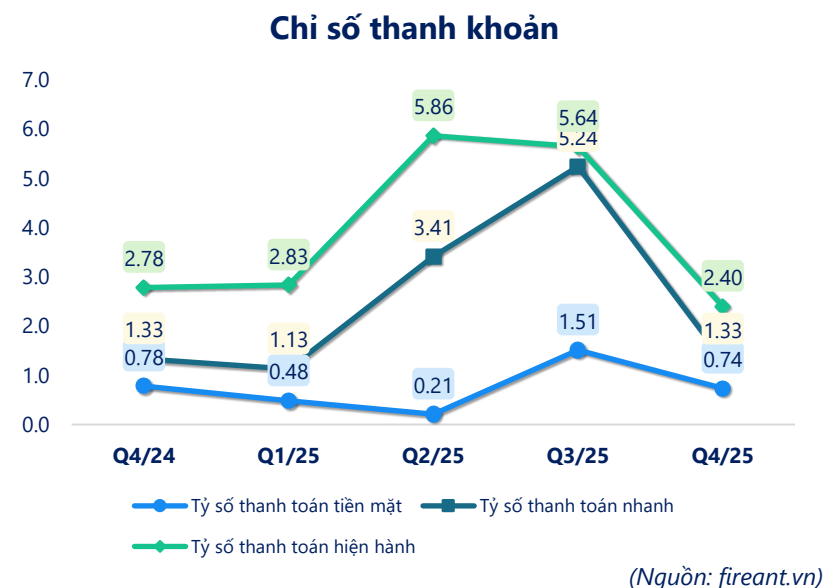
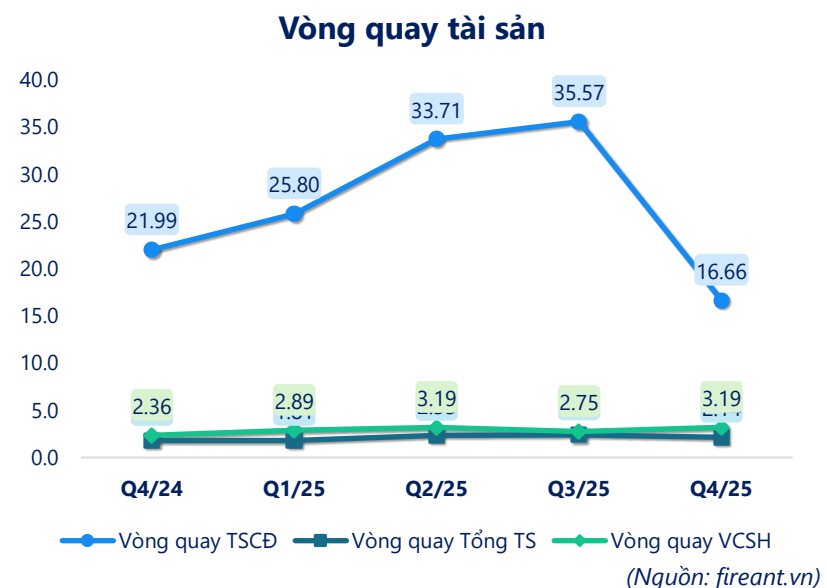
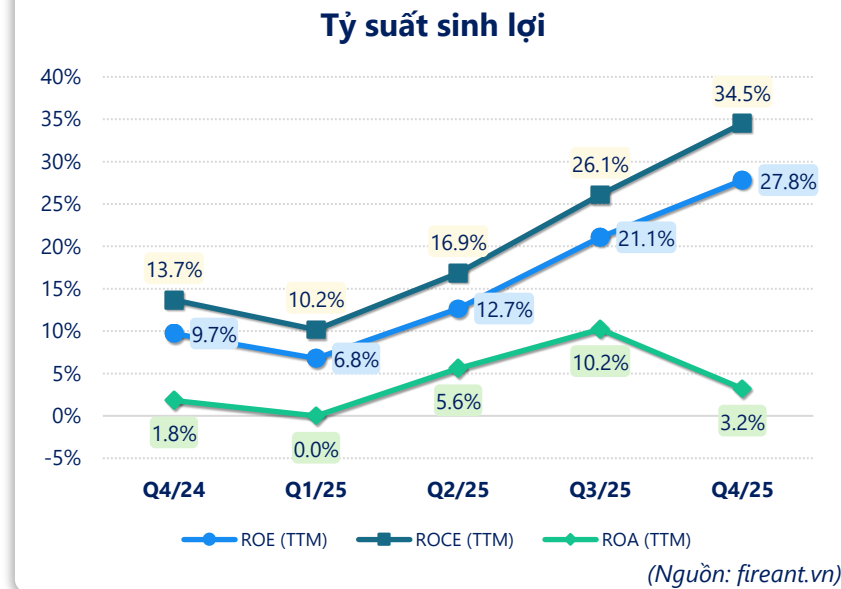
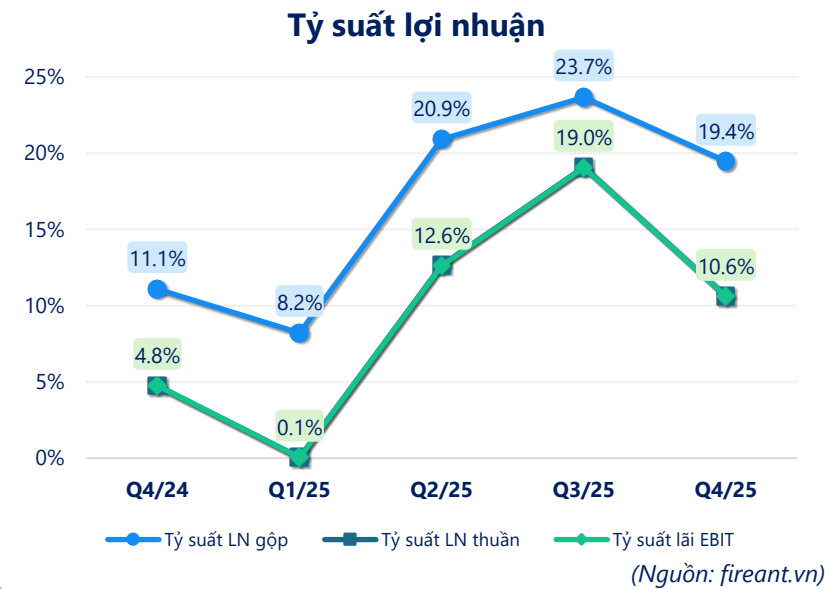
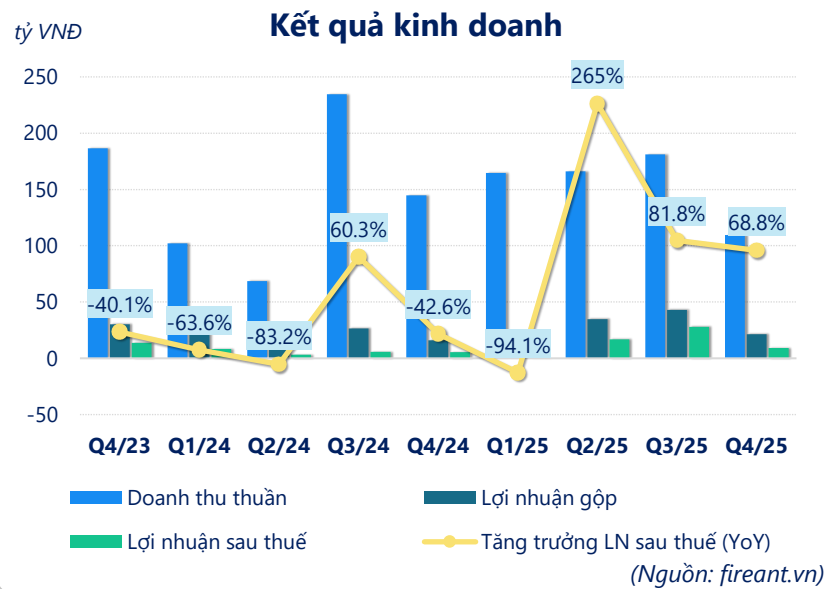


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		40,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,300
SL cổ phiếu LH		15,269,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,270
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		611
P/E		11.3
EPS		3,547

	YTD	1T	3T	6T
CAP	-1.3%	-1.7%	-4.8%	1.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	292	288	1.5%
Tài sản ngắn hạn	231	263	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	70.9	73.8	-3.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.1	50.8	-31.0%
Hàng tồn kho	103	137	-24.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.98	1.33	49.6%
Tài sản dài hạn	61.0	25.1	143%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	53.9	20.7	161%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.94	3.71	86.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.70	-89.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	96.4	94.5	2.0%
Nợ ngắn hạn	96.4	94.4	2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	30.2	22.5	34.5%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	196	194	1.2%
Vốn chủ sở hữu	196	194	1.2%
Vốn điều lệ	153	153	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	145	165	166	181	109
Giá vốn hàng bán	129	151	131	138	88.2
Lợi nhuận gộp	16.1	13.5	34.7	42.9	21.3
Doanh thu HĐTC	3.80	1.58	2.32	2.76	1.67
Chi phí TC	0.07	0.24	0.20	0.02	0.10
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.71	7.72	9.02	7.04	4.51
Chi phí QLDN	6.20	7.05	6.80	4.01	6.76
LN thuần từ HĐKD	6.89	0.09	21.0	34.6	11.6
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	-0.04	-0.05	0
LN trước thuế	6.88	0.09	21.0	34.5	11.6
Lợi nhuận sau thuế	5.51	-0.02	16.9	28.0	9.28
LNST của CĐ cty mẹ	5.51	-0.02	16.9	28.0	9.28

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.0	-28.3	84.3	92.9	6.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.68	-1.35	-69.6	-41.8	4.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.06	-51.0	0.56	0
Tiền đầu kỳ	94.5	73.8	44.2	7.87	59.6
Lưu chuyển tiền thuần	-20.7	-29.6	-36.3	51.7	11.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.01	0.00	0.02	0.02
Tiền cuối kỳ	73.8	44.2	7.87	59.6	70.9

(Nguồn: fireant.vn)